

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HS-ST

Ngày: 27/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Ngô Thị Thanh

Bà: Lê Thị Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:
Ông Lê Duy Khôi – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/HSST ngày 31 tháng 03 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/HSST-QĐ ngày 15 tháng 04 năm 2021 đối với:

Bị cáo: **Mai Xuân T**; Sinh năm: 1974. Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Xóm V, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Trình độ học vấn: 07/10. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Mai Văn T, Sinh năm: 1943; Con bà: Hoàng Thị M, Sinh năm: 1951. Có vợ là Cao Thị T; Sinh năm 1986. Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/01/2021 đến ngày 22/01/2021 chuyển sang tạm giam cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Hoàng Văn T; Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa, anh T có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị: Cao Thị T; sinh năm: 1986

Địa chỉ: Xóm V, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa, chị T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2016 đến năm 2017, bị cáo làm thợ tại xưởng mộc của nhà anh Hoàng Văn T, sau đó bị cáo không làm thuê cho anh T nữa mà về mở xưởng mộc riêng tại nhà. Khoảng đầu năm 2021, bị cáo quan sát thấy bãi gỗ nhà anh T không có cửa bảo vệ và người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp gỗ chưa thành phẩm nhà anh T để về đóng đồ bán cho khách. Đêm ngày 13/01/2021, bị cáo hẹn và đối tượng tên H mà bị cáo mới quen biết, trú tại thành phố Nam Định (chưa xác định rõ được lai lịch) để cùng nhau ăn đêm. Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 14/01/2021, bị cáo và H gặp nhau tại điểm hẹn để ăn đêm, trong lúc ăn bị cáo rủ H đi trộm cắp gỗ tại bãi gỗ của nhà anh T thì được H đồng ý. Sau khi ăn đêm xong, bị cáo điều khiển xe mô tô chở H về nhà để chuẩn bị vật dụng cần thiết để đi trộm cắp. Khoảng 01 giờ ngày 14/01/2021, bị cáo điều khiển xe mô tô BKS 18H2-3764 của mình chở sau H, phía sau xe kéo theo 01 xe ba bánh tự chế và mang theo 01 chiếc bạt từ nhà đi trên tỉnh lộ 490C đến nhà anh T. Khi đến nơi, bị cáo tháo xe ba bánh tự chế rồi kéo xe vào khu vực bãi gỗ và bảo H đứng cạnh xe mô tô để cảnh giới. Sau đó bị cáo lấy 03 tấm gỗ lim Nam Phi ở bãi gỗ nhà anh T để vào xe ba bánh tự chế rồi dùng chiếc bạt mang theo phủ lên để che 03 tấm gỗ. Bị cáo gọi H đến để cả hai cùng đẩy chiếc xe ba bánh ra khỏi bãi gỗ, rồi gắn xe ba bánh vào sau chiếc xe mô tô, bị cáo điều khiển xe mô tô chở sau H và kéo theo xe ba bánh tự chế chở gỗ đi về nhà. Khi về đến nhà bị cáo và H mang 03 tấm gỗ vào trong nhà để cất giấu. Ngày 14/01/2021, anh Hoàng Văn T phát hiện nhà mình mất gỗ nên trình báo Công an huyện Nam Trực.

Ngày 18/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực phát hiện và thu giữ tại nhà Mai Xuân T vật chứng của vụ án gồm: 03 tấm gỗ lim Nam Phi có kích thước lần lượt là (3,13 x 0,245 x 0,07)m, (3,15 x 0,258 x 0,065)m, (3,15 x 0,249 x 0,076)m; 01 xe ba bánh tự chế, ba bánh có cùng đường kính là 40cm. Thùng xe được gắn khung kim loại, có kích thước là (1,5 x 0,74 x 0,32)m. Phần đầu xe có gắn tay kéo dài 90cm, phần đầu tay kéo có gắn 02 móc kim loại; 01 chiếc bạt có kích thước (3,55 x 2,75)m, một mặt màu xanh, mặt còn lại màu vàng cam.

Thu giữ của của Mai Xuân T: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RS có BKS 18H2-3764; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NIKIA 105 màu xanh đen cùng 01 sim có số thuê bao 0386951701 đã qua sử dụng; số tiền 353.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KLĐG ngày 19/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Nam Trực, kết luận: Giá trị của 03 tấm gỗ lim Nam Phi có kích thước lần lượt là (3,13 x 0,245 x 0,07)m; (3,15 x 0,258 x 0,065)m; (3,15 x 0,249 x 0,076)m tại thời điểm xảy ra vụ việc là 5.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 21/CT-VKS ngày 30/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Mai Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Mai Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Mai Xuân T từ 07 tháng tù đến 10 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Anh T đã nhận toàn bộ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Honda RS BKS 18H2-3764 và 01 điện thoại Nokia105 cùng 01 sim điện thoại và 01 xe ba bánh tự chế, thùng xe của bị cáo Mai Xuân T. Tịch thu cho tiêu hủy 01 bát xác rắn. Trả lại cho bị cáo số tiền 353.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị T không có yêu cầu gì đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda RS BKS 18H2-3764.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Trực, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác như: Lời khai của bị hại, biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 19/01/2021, biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật ngày 18/01/2021... Từ các chứng cứ trên đã đủ căn cứ kết luận: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 14/01/2021 lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh T bị cáo cùng đồng phạm H (chưa xác định được lai lịch) đã lén lút trộm cắp 03 tấm gỗ lim có kích thước lần lượt là (3,13 x 0,245 x 0,07)m, (3,15 x 0,258 x 0,065)m, (3,15 x 0,249 x 0,076)m, có tổng giá trị là 5.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của công dân

được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức việc lén lút lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó, hành vi trên của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn, lần phạm tội này của bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Qua đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo mình thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh T đã nhận toàn bộ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Honda RS BKS 18H2-3764 và 01 điện thoại Nokia105 cùng 01 sim chiếc xe và 01 xe ba bánh tự chế, thùng xe. Tịch thu cho tiêu hủy 01 vỏ bạt sắt rằn. Các tài sản trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/03/2021 giữa Công an huyện Nam Trực và Chi cục thi hành án Dân sự huyện Nam Trực. Đối với số tiền 353.000 đồng trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Đối với đối tượng tên H là đồng phạm với Mai Xuân T, quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Trực đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, anh T, chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ: khoản 1, Điều 173; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Mai Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt Mai Xuân T 07(bảy)tháng tù. Thời hạn được tính kể từ ngày 19/01/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Honda RS BKS 18H2-3764 cùng 01 điện thoại Nokia105 cùng 01 sim điện thoại và 01 xe ba bánh tự chế, thùng xe của bị cáo Mai Xuân T. Tịch thu cho tiêu hủy 01 bạt xác rắn. Các tài sản trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/03/2021 giữa Công an huyện Nam Trực và Chi cục thi hành án Dân sự huyện Nam Trực. Trả lại cho bị cáo số tiền 353.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Mai Xuân T phải nộp 200.000(Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, anh T, chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL và NV liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã N; TP N;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường

